

Số: 3577 /TB-SYT
V/v tiếp nhận và đăng tải bản tự
công bố cơ sở khám bệnh, chữa
bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
hướng dẫn thực hành.

Kiên Giang, ngày 14 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc cơ sở tự công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp
ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y
tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh
Kiên Giang;

Xét hồ sơ đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng, Bản công bố số
1029/TTYT-KHNV ngày 23 tháng 9 năm 2024 và Kế hoạch số 1030/KH-TTYT
ngày 23 tháng 9 năm 2024 về tổ chức hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa
bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

Sở Y tế tỉnh Kiên Giang tiếp nhận và đăng tải Bản công bố cơ sở khám
bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành (*Bản công bố
kèm theo*) đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

- Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng; Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn Giồng
Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Giấy phép hoạt động số: 0358/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế tỉnh Kiên Giang
cấp ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Lê Văn Nhì.

- Điện thoại liên hệ: 02972232308

- Phạm vi hướng dẫn thực hành: thực hiện theo Khoản 8, Điều 3 Nghị định
96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ và Thông tư 32/2023/TT-BYT
ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối
với nội dung Bản công bố và tổ chức hướng dẫn thực hành theo đúng quy định
hiện hành; Trường hợp cơ sở tổ chức thực hiện không đúng quy định, không

đúng nội dung trong hồ sơ công bố, Sở Y tế tiến hành hủy công bố và không công nhận kết quả thực hành; Thường xuyên cập nhật, đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị và báo cáo danh sách người thực hành về Sở Y tế theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ./. *mlh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý Khám, chữa bệnh – BYT;
- BGĐ SYT (báo cáo);
- Thanh tra Sở Y tế;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc SYT;
- Trang TTĐT SYT; VPĐT;
- Lưu: VT, NVY, nqkhanh.



GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Dũng
Hồ Văn Dũng

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành lâm sàng để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh;

Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh như sau:

1. Mục tiêu:

- Trang bị kiến thức, kỹ năng lâm sàng trong khám và điều trị các bệnh lý căn bản cho bác sỹ, y sỹ;
- Trang bị kiến thức, kỹ năng thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, chăm sóc bệnh nhân.

2. Đối tượng: Bác sỹ, Y sỹ, Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y đăng ký thực hành tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

3. Thời gian và địa điểm thực hành:

3.1. Địa điểm thực hành: Tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

3.2. Đối với chức danh bác sỹ: thực hành 12 tháng.

3.3. Đối với chức danh y sỹ: thực hành 09 tháng.

3.4. Đối với chức danh Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y: thực hành 06 tháng.

4. Tổ chức thực hành, theo dõi quản lý, đánh giá quá trình thực hành và xác nhận quá trình thực hành:

4.1. Tiếp nhận thực hành:

4.1.1 Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại Điều 8 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 gửi đến phòng Tổ chức Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

4.1.2. Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận, người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo Mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023;
- Sau khi tiếp nhận đơn, trưởng phòng Tổ chức phân công người hướng dẫn thực hành tại các khoa Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 về cơ quan tiếp nhận công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023, trong đó phải nêu rõ thời gian bắt đầu thực hành và dự kiến thời gian kết thúc thực hành;

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của cơ sở và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

4.2. Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

- Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023;

- Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở hướng dẫn thực hành và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

5. Nội dung thực hành:

- Căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ;

- Căn cứ theo quy định phạm vi hành nghề của người hành nghề tại Điều 10; Điều 11 của Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

- Trong quá trình thực hành phải lồng ghép nội dung hướng dẫn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, kỹ năng giao tiếp ứng xử.

6. Chi phí hướng dẫn thực hành: Theo quy định hiện hành

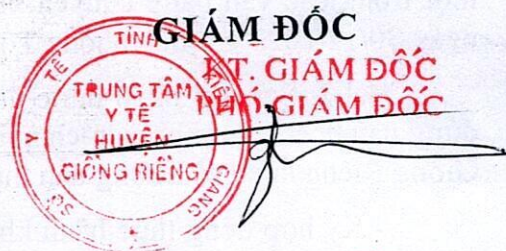
7. Tổ chức thực hiện:

Giao phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ phối hợp với phòng Tổ chức triển khai kế hoạch này đến các đơn vị và cá nhân trong Trung tâm Y tế.

Trên đây là Kế hoạch hướng dẫn thực hành lâm sàng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng. /.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để B/c);
- BGĐ;
- Các Phòng, Khoa, Trạm;
- Lưu: VT, KHNV.



Huỳnh Minh Giàu

Số: 1029 /TTYT-KHNV

Giồng Riềng, ngày 23 tháng 9 năm 2024

V/v Công bố cơ sở khám bệnh,
chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
thực hành trong đào tạo khối ngành
sức khỏe.

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Kiên Giang

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng.

Số Giấy phép hoạt động: 0358/SYT-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Kiên Giang
ngày 19/11/2018.

Địa chỉ: KP8, Thị Trấn Giồng Riềng, Huyện Giồng Riềng, Tỉnh Kiên Giang

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI. Lê Văn Nhì

Điện thoại liên hệ: 02972232308

Email: trungtamytegr@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp
ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sỹ, y sỹ, dược sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ
thuật y (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 1).

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 2).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác:
không có.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Danh mục
mẫu kèm theo – Phụ lục 1).

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: theo quy định của TTYT huyện Giồng Riềng.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải theo quy định!

Nơi nhận:

Như kính gửi;

Lưu: VT, KHNV

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Huỳnh Minh Giàu

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Căn cứ Luật số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc Hội khóa 15 về Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng xây dựng Kế hoạch Hướng dẫn thực hành để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Đào tạo thực hành, cập nhật nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, xác nhận thời gian thực hành để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, đủ điều kiện để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

II. YÊU CẦU

1. Đối với người thực hành

- Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại Điều 8 Nghị định 96/2023/NĐ-CP gửi đến cơ sở hướng dẫn thực hành nơi đăng ký thực hành.

- Người thực hành phải tuân thủ quy định, quy chế của ngành và đơn vị, phải hoàn thành đầy đủ các nội dung thực hành và đủ thời gian thực hành theo quy định tại Điều 3 Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Trong quá trình thực hành vì lý do sức khỏe hoặc trường hợp bất khả kháng, người thực hành được tạm dừng thực hành trong thời gian tối đa 12 tháng và được bảo lưu các kết quả thực hành trước đó theo Điều 4 Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Đóng đầy đủ kinh phí thực hành theo quy định của đơn vị.

2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành (khoản 4, điều 7, Nghị định 96/2023/NĐ-CP); có trình

độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành; có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

- Mỗi cán bộ hướng dẫn chỉ được hướng dẫn cho người thực hành không quá 05 người thực hành trong cùng một thời điểm. (điểm b, khoản 2, điều 7, Nghị định 96/2023/NĐ-CP).

- Có trách nhiệm hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho người thực hành, chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh.

- Định kỳ kiểm tra tay nghề của người học thực hành và nhận xét khi kết thúc thời gian thực hành.

- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm với nội dung nhận xét của mình đối với quá trình học thực hành của người thực hành.

III. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi triển khai

Tất cả các khoa lâm sàng tại TTYT huyện Giồng Riềng.

2. Thời gian thực hành (TH)

Theo Điều 3, Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

- Chức danh bác sỹ y khoa, bác sỹ y học dự phòng là 12 tháng, trong đó:

- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Nội khoa là 02 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Ngoại khoa là 02 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Sản Phụ khoa là 02 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Nhi khoa là 02 tháng.
- + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về chuyên khoa khác; có thể chọn 01 đến 02 chuyên khoa có liên quan để thực hành (THM, RHM, Mắt, Da liễu, PHCN, YHCT, Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS, Truyền nhiễm,...) là 01 tháng.

- Chức danh bác sỹ y học cổ truyền là 12 tháng, trong đó:

- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về YHCT là 09 tháng.

- Văn bằng chuyên khoa là 18 tháng: Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn (tùy từng trường hợp): số tháng thực hành được tính bằng 18 tháng – số tháng đã học chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (xác định theo thời điểm bắt đầu đào tạo chuyên khoa cơ bản). Trong đó thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng và thời gian còn lại thực hành tại chuyên khoa theo chứng chỉ đào tạo.

- Chức danh y sỹ đa khoa là 09 tháng, trong đó:

- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 03 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Nội khoa là 02 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Ngoại khoa là 01 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Sản Phụ khoa là 01 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Nhi khoa là 01 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về chuyên khoa khác (THM, RHM, Mắt, Da liễu, PHCN, YHCT,...) là 01 tháng.

- Chức danh y sỹ y học cổ truyền là 09 tháng, trong đó:

- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng.
- + Thời gian TH chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về YHCT là 06 tháng.

3. Đối tượng

- Bác sỹ (bác sỹ y khoa, bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng, bác sỹ chuyên khoa khác).
- Y sỹ đa khoa, y sỹ y học cổ truyền.

IV. NỘI DUNG

1. Nội dung thực hành

- Căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ;

- Căn cứ theo quy định phạm vi hành nghề của người hành nghề tại Điều 10; Điều 11 của Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành như sau:

+ Bác sỹ y khoa: Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số V ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bác sỹ y học cổ truyền: Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số VI ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bác sỹ y học dự phòng: Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số VII ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bác sỹ răng hàm mặt: Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Bác sỹ chuyên khoa khác: Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số V và Phụ lục số IX theo chuyên khoa ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Y sỹ đa khoa: Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số X ban hành kèm theo Thông tư này (bao gồm các kỹ thuật sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ);

+ Y sỹ y học cổ truyền: Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số XI ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trong quá trình thực hành phải lồng ghép nội dung hướng dẫn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, kỹ năng giao tiếp ứng xử.

- Tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, bình bệnh án và đơn thuốc do Trung tâm Y tế tổ chức.

2. Yêu cầu cần đạt

2.1. Yêu cầu về kiến thức:

- Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng vào giải quyết các vấn đề sức khỏe, các bệnh lý thường gặp ở người bệnh (bao gồm chẩn đoán và lọc bệnh ban đầu để xử lý hoặc chuyển tuyến phù hợp và kịp thời; điều trị; chăm sóc; phòng ngừa). (Phụ lục đính kèm).

- Áp dụng được vào thực tế dựa trên y học chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

- Hỏi bệnh, khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán (chẩn đoán ban đầu, chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định) các bệnh lý thường gặp.

- Lập kế hoạch điều trị, chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.

- Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị bệnh phù hợp với vai trò, chức danh hành nghề, đảm bảo quy định kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.

- Thực hiện được các kỹ thuật triển khai thực hiện tại khó theo danh mục kỹ thuật phù hợp với từng chức danh, phạm vi hành nghề (theo Thông tư 32/2023 TT-BYT).

- Giao tiếp ứng xử và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân, đồng nghiệp và cộng đồng.

- Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

2.3. Yêu cầu về thái độ:

- Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

- Tôn trọng và thấu cảm với người bệnh và thân nhân người bệnh.

- Tự phản ánh, nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của bản thân để học hỏi liên tục.

- Khiêm tốn và sẵn sàng tiếp nhận phản hồi từ đồng nghiệp và người bệnh để cải thiện bản thân.

- Trung thực báo cáo những sai sót của bản thân và của hệ thống y tế trong thực hành nghề nghiệp.

V. Chi phí thực hành

Thu kinh phí theo Kế hoạch số 246/KH-TTYT, ngày 10/01/2024 tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng với tất cả các đối tượng thực hành.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Đảm bảo đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp đáp ứng nhu cầu của người thực hành.
- Phân công người hướng dẫn thực hành phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành đúng theo quy định.

2. Thủ trưởng đơn vị

Sau khi căn cứ báo cáo quá trình thực hành của người thực hành và người hướng dẫn thực hành nhận xét đánh giá. Thủ trưởng đơn vị cấp giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu 07 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2003/NĐ-CP.

3. Phòng Kế hoạch nghiệp vụ

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nội dung kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Phối hợp với Phòng Tổ chức đề xuất với Giám đốc về người hướng dẫn thực hành sao cho phù hợp với năng lực chuyên môn, thời gian hành nghề có giấy phép đúng quy định và phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp hướng dẫn người học thực hành.
- Cập nhật danh sách và đăng tải danh sách khi đã có giấy phép hành nghề trên trang thông tin điện tử của đơn vị và Sở Y tế (nếu có).

4. Phòng Tổ chức

- Đầu mối tiếp nhận, viết giấy giới thiệu, hợp đồng cho người xin thực hành tại đơn vị, tổng hợp danh sách, lập hồ sơ của người xin thực hành và báo cáo Sở Y tế.
- Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành và giám sát thời gian tham gia thực hành tại các khoa đúng theo quy định.
- Hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép hành nghề cho người thực hành đã đủ thời gian thực hành.
- Giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế cơ quan, quy tắc ứng xử... của người thực hành trong suốt quá trình thực hành.
- Tham mưu cho Giám đốc cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành khi người hướng dẫn nhận xét về năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của học viên sau khi kết thúc thời gian học thực hành.

5. Phòng Tài chính-Kế toán

- Thực hiện hạch toán, thu chi, thanh quyết toán theo quy định.

6. Các khoa hướng dẫn thực hành

- Tiếp nhận, quản lý, giám sát, chấm công người thực hành tại Khoa theo sự phân công của Giám đốc Trung tâm.
- Đảm bảo người hướng dẫn thực hành có trình độ chuyên môn và thời gian hành nghề đúng theo quy định đáp ứng nhu cầu thực hành.

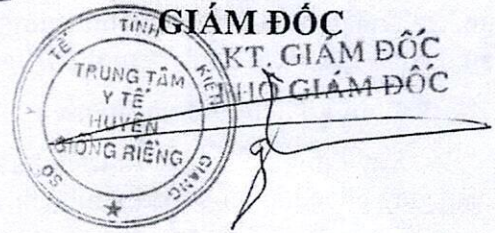
- Tạo điều kiện để người thực hành được học hỏi trao đổi kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, khám bệnh, chữa bệnh tại khoa và tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

- Cuối đợt thực hành có trách nhiệm đánh giá kết quả, xác nhận quá trình thực hành của người thực hành vào phiếu xác nhận (mẫu đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch Hướng dẫn thực hành để cấp giấy xác nhận quá trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng. Đề nghị các Phòng, Khoa và các cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các Phòng, Khoa, Trạm;
- Lưu: VT, P.KHNV.



Huỳnh Minh Giàu

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TTYT H. GIỒNG RIỀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Giồng Riềng, ngày...tháng...năm....

GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Địa chỉ cư trú:
Số CMND/số CCCD/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu (còn hạn sử dụng):
.....
Ngày cấp:
Nơi cấp:
Văn bằng chuyên môn:
Năm tốt nghiệp:
Kết quả thực hành:

Thời gian thực hành	Khoa	Nội dung thực hành	Nhận xét, kết quả	Người hướng dẫn
Từ ngày... đến...	K. Hồi sức /Cấp cứu	Năng lực chuyên môn		
		Giao tiếp, ứng xử		
Từ ngày... đến...	K.Nội...	Năng lực chuyên môn		
		Giao tiếp, ứng xử		
Từ ngày... đến...	K.Ngoại	Năng lực chuyên môn		
		Giao tiếp, ứng xử		
Từ ngày... đến...	K.CSSKSS	Năng lực chuyên môn		
		Giao tiếp, ứng xử		
Từ ngày... đến...	K.Nhi	Năng lực chuyên môn		
		Giao tiếp, ứng xử		
Từ ngày... đến...	Chuyên khoa khác	Năng lực chuyên môn		
		Giao tiếp, ứng xử		

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ HƯỚNG DẪN
THỰC HÀNH

Sau

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ H. GIỒNG RIỀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 1029 ngày 23 tháng 9 năm 2024)

1. Hội trường			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy tính	01	
2	Máy chiếu	01	
3	Âm thanh	01	
4	Tivi	02	
5	Mạng internet	02	
6	Hội trường	02	
2. Khoa Hồi sức			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ đặt nội khí quản có camera	01	
2	Máy Bơm tiêm tự động	11	
3	Đèn chiếu vàng da 2 mặt	02	
4	Hệ thống đơn nguyên sơ sinh	01	
5	Lồng ấp trẻ sơ sinh	01	
6	Máy điện tim 3 cần	03	
7	Máy đo SPO2	07	
8	Máy giúp thở	04	
9	Máy ly tâm máu	01	
10	Minotor	08	
11	Máy siêu âm trắng đen xách tay	01	
12	Máy sốc tim	01	
13	Máy truyền dịch tự động	11	
14	Giường	19	

15	Cân	01	
3. Khoa Nội tổng hợp			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy điện tim	02	
2	Máy đo SPO2	01	
3	Máy phun khí dung	06	
4	Máy đo HA	05	
5	Cân	01	
6	Bình oxy	01	
7	Giường	89	
4. Khoa Ngoại tổng hợp			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn nằm xương bó bột	01	
2	Giường cấp cứu	03	
3	Máy cưa cắt bột dùng điện	02	
4	Máy điện tim	01	
5	Máy đo SPO2	01	
6	Cân	01	
7	Máy đo nồng độ oxy	01	
8	Giường	32	
9	Máy đo HA	02	
5. Khoa Nhi			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy Bơm tiêm điện	08	
2	Máy đo SPO2	02	
3	Đèn chiếu vàng da 2 mặt	02	
4	Máy truyền dịch tự động	03	
5	Máy đo HA	06	
6	Cân	02	
7	Bình oxy	01	
8	Giường	100	
6. Khoa Truyền nhiễm			
STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú

1	Máy điện tim 3 kênh	01	
2	Bộ đặt nội khí quản 5 lưỡi	01	
3	Giường đa năng có bánh xe	02	
4	Máy đo SPO2	01	
5	Máy đo HA	03	
6	Cân	01	
7	Máy test đường huyết	01	
8	Máy phun khí dung	02	
9	Máy oxy nguồn	04	

7. Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy bơm tiêm điện	01	
2	Máy siêu âm trắng đen xách tay 01 đầu dò	01	
3	Bàn hồi sức sơ sinh (có đèn sưởi ấm)	01	
4	Bàn khám phụ khoa Gavi	02	
5	Bàn làm rốn sơ sinh	01	
6	Xe tắm trẻ sơ sinh	01	
7	Bộ dụng cụ sanh	01	
8	Bộ máy soi cổ tử cung	02	
9	Đèn khám bệnh loại đứng Gavi	01	
10	Giường đa năng	03	
11	Máy điện tim 3 cần	01	
12	Máy đo tim thai bằng sóng siêu âm	02	
13	Máy dopler tim thai (Minotor)	03	
14	Máy phun khử khuẩn	02	
15	Máy truyền dịch tự động	01	
16	Cân	02	
17	Bộ đo HA	03	
18	Giường bệnh	32	
19	Bộ sanh	15	
20	Bộ khám phụ khoa	15	
21	Bàn sanh	06	

8. Khoa YHCT

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy nấu thuốc bắc kèm đóng túi 3 bếp	01	
2	Máy nấu thuốc tự động	01	
3	Máy điện châm	30	
4	Cân	01	
5	Bộ đo HA	03	
6	Giường	32	

9. Khoa Phục hồi chức năng

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bơi thuyền tập cho người khuyết tật vận động	01	
2	Đai kéo lưng sử dụng máy kéo giãn cột sống lưng, ngực cổ (1 bộ gồm đai lưng, đai mỏng)	02	
3	Ghế tập co đùi sắt cho người khuyết tật	01	
4	Giường xiên quay tập đứng bệnh nhân lớn	01	
5	Hệ thống giường kéo giãn cột sống cổ và lưng	03	
6	Khung quay tập khớp vai cho người khuyết tật vận động	01	
7	Máy điện phân (Máy kích thích điện)	01	
8	Máy lase	01	
9	Máy siêu âm sóng ngắn	01	
10	Máy sóng ngắn trị liệu	01	
11	Máy từ trường nhiệt	01	
12	Máy từ trường vòng (Máy tạo sóng rung)	01	
13	Thùng nấu sáp Paraffin	01	
14	Bộ đo HA	15	
15	Máy siêu âm	01	
16	Đèn chiếu hồng ngoại	01	
17	Thanh song song tập đi + gương	01	
18	Ròng rọc kéo tay		
19	Xe lăn		

10. Khoa Cấp cứu

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ đặt nội khí quản	05	
3	Monitor	06	
4	Hệ thống bơm rửa dạ dày tự động	01	

5	Máy đo SpO2	06	
6	Bơm tiêm tự động	06	
7	Máy truyền dịch	02	
8	Máy đo điện tim	02	
9	Máy hút dịch	02	
10	Máy siêu âm tại giường	01	
11	Máy sốc điện	01	
12	Máy thở	01	
13	Giường	12	
14	Máy test đường huyết	01	
15	Máy phun khí dung	05	
16	Bóng Ambu	06	
17	Máy hút đàm	01	
18	Bình oxy	02	

11. Khoa Tai Mũi Họng

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy nội soi TMH	02	
2	Bộ dụng cụ cầm tay trong phẫu thuật	01	
3	Đèn soi tai	03	
4	Đèn Clar	02	
5	Bộ nạo V.A	01	
6	Bộ cắt Amidan	01	
7	Bộ chỉnh hình vách ngăn mũi	01	
8	Bộ mở khí quản	01	
9	Bộ phẫu thuật nội soi mũi xoang	01	
10	Bộ tiểu phẫu	01	
11	Bộ dò luân nhĩ	01	
12	Bộ khám	07	
13	Bộ rửa vết thương	04	
14	Bình hút dịch	02	
15	Cân	01	
16	Giường	08	

12. Khoa Mắt

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đo khúc xạ	01	
2	Máy mở Phaco	01	
3	Máy siêu âm mắt A/B	01	
4	Kính sinh hiển vi khám mắt	01	
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật ngoài bao	01	
6	Giường	11	
7	bộ đo HA	02	
8	Cân	01	
9	Đèn Clar	01	
10	Hộp kính thử thị lực	01	
11	Hộp đèn thử thị lực	02	
12	Kính 4 gương	01	
13	Kính Ocular	01	
14	Nồi hấp tiệt trùng	01	
15	Máy đo độ cong giác mạc (Javal kế)	01	
16	Gọng kính thử thị lực	01	

13. Khoa Răng Hàm Mặt

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy cạo vôi răng	01	
2	Máy chụp Xquang quanh chóp	01	
3	Tay khoan siêu tốc	02	
4	Máy đo HA	02	
5	Tay khoan tốc độ chậm	01	
6	Điện Halogen	01	

14. Khoa Nội Tim Mạch

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy bơm tiêm điện	02	
2	Máy điện tim	01	
3	Máy đo nồng độ bão hòa oxy pm10n	01	
4	Máy đo SPO2	01	
5	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	01	
6	Máy phun khí dung	04	

7	Cân	01	
8	Máy đo HA tự động	01	
9	Máy bơm tiêm tự động	01	
10	Máy điện tim 3 kênh	01	
11	Máy đo nồng độ oxy	01	
12	Máy điện tim 3 cân	01	
13	Giường	77	

15. Khoa Lão Học

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy điện tim 3 kênh	01	
2	Giường đa năng	08	
3	Máy điện tim 3 cân	01	
4	Cân	01	
5	Máy đo SPO2	01	
6	Giường	64	
7	Máy đo HA tự động	01	
8	Máy phun khí dung	05	
9	Huyết áp tay + ống nghe	05	

Giồng Riềng, ngày ... tháng ... năm 2024



Huỳnh Minh Giàu

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ H. GIỒNG RIỀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (tại 1 thời điểm)
(Kèm theo Bản công bố số: 1029 ngày 23 tháng 9. năm 2024)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người thực hành tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng người đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Hồi sức	1	10	4	20	0	20
2.	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Nội	1	10	4	20	0	20
3.	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Ngoại	1	10	4	20	0	20
4.	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa CSSKSS	2	20	7	35	0	35
5.	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Nhi	2	20	7	35	0	35

6.	7720115	Đại học	YHCT	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa YHCT	1	10	4	20	0	20
7.	7720101	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa TMH	2	20	4	20	0	20
8.	7720102	Đại học	Bác sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Mắt	2	20	4	20	0	20
9.	6720501	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng	4	60	20	100	0	100
10.	6720302	Cao đẳng	Y sỹ đa khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng	4	60	10	50	0	50
11.	5720302	Trung cấp	Y sỹ	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng	1	15	5	25	0	25
12.	7720201	Đại học	Dược học	Dược lý và dược lâm sàng	TH lâm sàng	Khoa Dược - TTB - VTYT	2	20	0	15	0	15
13.	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe người bệnh	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng	4	60	10	50	0	50
14.	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học, hình ảnh y học, phục hồi chức năng, khúc xạ nhãn khoa, phục hình răng	TH lâm sàng	Khoa Lâm sàng+Cận lâm sàng	4	60	0	20	0	20
TỔNG CỘNG							24	465	93	430	0	430

Giồng Riềng, ngày ... tháng ... năm 2024


GIÁM ĐỐC
 TRUNG TÂM Y TẾ
 HUYỆN GIỒNG RIỀNG
 HỒ GIÁM ĐỐC
 Huỳnh Minh Giàu

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ H. GIỒNG RIỀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố số: 029 ngày 25 tháng 9. năm 2024)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Lê Văn Nhi	BSCKI	Nhiễm	001705/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Truyền nhiễm		Nhiễm	Hướng dẫn TH	BGD	
2.	Đỗ Minh Thức	BSCKII	Nội tim mạch	001713/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành nội tim mạch		Nội tim mạch	Hướng dẫn TH	BGD	

3.	Huỳnh Minh Giàu	BSCKII	Nội khoa	002471/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	BGD	
4.	Hà Quốc Việt	BSCKII	Nhi khoa	001333/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa		Nhi	Hướng dẫn TH	BGD	
5.	Nguyễn Thanh Sang	BSCKI	Nội khoa	001663/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	P.KHNV	
6.	Lý Thành Du	ThSBS	Nội khoa	005764/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa cấp cứu	
7.	Lê Hoàng Qui	BSCKI	Nội khoa	001720/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa cấp cứu	
8.	Nguyễn Quốc Khánh	BSCKI	Nội khoa	005038/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa cấp cứu	
9.	Trần Văn Lộc	BSCKI	Hồi sức cấp cứu	005775/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành HSCC		HSCC	Hướng dẫn TH	Khoa hồi sức	
10.	Trần Chí Văn	BSCKI	Nội khoa	004733/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa hồi sức	
11.	Trần Văn Xuyên	BSCKI	Nội khoa	007375/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa hồi sức	

12.	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	BSCKI	Sản khoa	005138/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa		Sản	Hướng dẫn TH	Khoa CSSKSS	
13.	Huỳnh Thị Bảo Quỳnh	BSCKI	Sản khoa	003113/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa		Sản	Hướng dẫn TH	Khoa CSSKSS	
14.	Nguyễn Văn Minh Thái	BSCKI	CDHA	002473/KG-CCHN	Chuyên khoa CDHA		CDHA	Hướng dẫn TH	Khoa CDHA	
15.	Lâm Quốc Khải	BS	CDHA	005463/KG-CCHN	Chuyên khoa CDHA		CDHA	Hướng dẫn TH	Khoa CDHA	
16.	Trương Văn Chiêu	CNCĐHA	CDHA	001863/KG-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về X-Quang		CDHA	Hướng dẫn TH	Khoa CDHA	
17.	Hồ Minh Chánh	BSCKII	Nội khoa, da liễu	000582/KG-CCHN	YHDP		Nội, da liễu	Hướng dẫn TH	Khoa KSBT&HIV/AIDS	
18.	Danh Thanh Sự	BS	YHDP	007703/KG-CCHN	YHDP		YHDP	Hướng dẫn TH	Khoa KSBT&HIV/AIDS	
19.	Phạm Thủy Tiên	BS	YHDP	008295/KG-CCHN	YHDP		YHDP	Hướng dẫn TH	Khoa KSBT&HIV/AIDS	
20.	Phan Văn Tuấn	BSCKI	Nhiễm	002474/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh		Nhiễm	Hướng dẫn TH	Khoa Lão học	

21.	Nguyễn Thị Như Ý	BSCKI	Nội tổng quát	001721/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội tổng quát	Hướng dẫn TH	Khoa Lão học	
22.	Trương Cao Thông	BSCKI	Ngoại	001711/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa		Ngoại	Hướng dẫn TH	Khoa Ngoại tổng hợp	
23.	Khương Anh Tấn	ThSBS	Ngoại	006377/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa		Ngoại	Hướng dẫn TH	Khoa Ngoại tổng hợp	
24.	Nguyễn Phương Huỳnh	ThSBS	Ngoại	007186/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa		Ngoại	Hướng dẫn TH	Khoa Ngoại tổng hợp	
25.	Trần Thanh Hải	ThSBS	Ngoại	005148/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa		Ngoại	Hướng dẫn TH	Khoa Ngoại tổng hợp	
26.	Nguyễn Thanh Dũng	BSCKI	Nhi khoa	001344/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa		Nhi	Hướng dẫn TH	Khoa Nhi	
27.	Vũ Văn Thân	BSCKI	Nhi khoa	001238/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa		Nhi	Hướng dẫn TH	Khoa Nhi	
28.	Thị Kim Tho	BSCKI	Nhi khoa	006570/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa		Nhi	Hướng dẫn TH	Khoa Nhi	
29.	Trần Vũ Linh	BSCKI	HSCC	007011/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành HSCC		HSCC	Hướng dẫn TH	Khoa Nội tim mạch	

30.	Trần Thùy Trang	BSCKI	Nội khoa	006938/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa Nội tim mạch	
31.	Nguyễn Thanh Hoàng	BSCKI	Nội TK	001660/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành nội TK		Nội TK	Hướng dẫn TH	Khoa Nội tổng hợp	
32.	Ngô Tấn Đạt	BSCKI	Nội TK	007366/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành nội TK		Nội TK	Hướng dẫn TH	Khoa Nội tổng hợp	
33.	Danh Tùng	BSCKII	Mắt	001704/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành mắt		Mắt	Hướng dẫn TH	Khoa Mắt	
34.	Tô Yến Phượng	BSCKII	Mắt	003120/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành mắt		Mắt	Hướng dẫn TH	Khoa Mắt	
35.	Hình Cầu	BS	RHM	000180/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành RHM		RHM	Hướng dẫn TH	Khoa RHM	
36.	Nguyễn Hoàng Quý	BSCKI	TMH	004976/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành TMH		TMH	Hướng dẫn TH	Khoa TMH	
37.	Hàng Phước Thọ	BS	Đa khoa	007089/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành TMH		Đa khoa	Hướng dẫn TH	Khoa TMH	
38.	Nguyễn Thanh Hùng	BSCKI	Nhiễm	003469/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên		Nhiễm	Hướng dẫn TH	Khoa Truyền nhiễm	

					ngành truyền nhiễm					
39.	Bùi Minh Bời	BSCKI	Nhiễm	001340/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành truyền nhiễm		Nhiễm	Hướng dẫn TH	Khoa Truyền nhiễm	
40.	Lữ Huỳnh Hải	BS	YHDT	002485/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành PHCN		PHCN	Hướng dẫn TH	Khoa PHCN	
41.	Huỳnh Thanh Hải	BSCKI	YHDT	001707/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành YHCT		YHCT	Hướng dẫn TH	Khoa YHCT	
42.	Phan Văn Phúc	BS	YHDT	001738/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành YHCT		YHCT	Hướng dẫn TH	Khoa YHCT	
43.	Nguyễn Tuyên	BSCKI	Da liễu	001714/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh		Da liễu	Hướng dẫn TH	Khoa Khám bệnh	
44.	Tô Thị Nga	BSCKI	Nội khoa	000776/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa Khám bệnh	
45.	Hồ Văn Mọi	BSCKI	Nội khoa	004333/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa Khám bệnh	

46.	Nguyễn Thị Kim Thúy	BSCKI	Nội	006303/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa		Nội	Hướng dẫn TH	Khoa Khám bệnh	
47.	Vi Thị Mỹ Trinh	CNDD	Điều dưỡng	004741/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh		Điều dưỡng	Hướng dẫn TH	P.Điều dưỡng	
48.	Huỳnh Tấn Phong	CNDD	Điều dưỡng	001748/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh		Điều dưỡng	Hướng dẫn TH	P.Điều dưỡng	
49.	Trần Thanh Phúc	CNDD	Điều dưỡng	001808/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh		Điều dưỡng	Hướng dẫn TH	P.Điều dưỡng	
50.	Võ Kim Hồng	CNDD	Điều dưỡng	001869/KG-CCHN	Chăm sóc người bệnh		Điều dưỡng	Hướng dẫn TH	P.Điều dưỡng	
51.	Lê Thị Mỹ Phương	DSCKI	Dược	620/KG-CCHND	DL&DLS		Dược	Hướng dẫn TH	P.Tổ chức	
52.	Nguyễn Duy Trinh	DSCKI	Dược	572/KG-CCHND	DL&DLS		Dược	Hướng dẫn TH	P.KHNV	
53.	Khuu Văn Út	ThS Dược	Dược	1655/CCHN-SYT- KG	DL&DLS		Dược	Hướng dẫn TH	P.KHNV	
54.	Đào Ngọc Sử	ThS Dược	Dược	1677/CCHN-D- SYT-KG	DL&DLS		Dược	Hướng dẫn TH	P.KHNV	
55.	Nguyễn Thanh Quyền	DSCKI	Dược	798/KG-CCHND	DL&DLS		Dược	Hướng dẫn TH	K.Dược-TTB- VTYT	

56.	Bùi Thế Vững	DSCKI	Dược	821/CCHN-D-SYT-KG	DL&DLS		Dược	Hướng dẫn TH	K.Dược-TTB-VTTYT	
57.	Trần Tài Nguyên	DSCKI	Dược	820/CCHN-D-SYT-KG	DL&DLS		Dược	Hướng dẫn TH	K.Dược-TTB-VTTYT	
58.	La Quốc Trầm	CNXN	Xét nghiệm	001856/KG-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm		Xét nghiệm	Hướng dẫn TH	K.Xét nghiệm	

Giồng Riềng, ngày ... tháng ... năm 2024



BS CKII. Huỳnh Minh Giàu